

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **114/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 11 tháng 9 năm 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Quý Quốc.
- Ông Nguyễn Thanh Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Đường T, phường B, thành phố M, tỉnh T.

Tạm trú: tổ S, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Ông **Trương Minh H**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Đường T, phường B, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt bà X, vắng mặt ông H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Bà và ông Trương Minh H qua mai mối chung sống với nhau năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T vào ngày 21/12/1995. Từ đầu năm 2015, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự và dùng dao đe dọa giết bà. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay do ông H đuổi bà ra khỏi nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Minh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Trương Quang M, sinh ngày 09/6/1997, đã trưởng thành, lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trương Minh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông vắng mặt mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Trương Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của bà X và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập ông H đến Tòa án nhưng ông vắng mặt không có lý do, ông không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại bà X trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với ông Hoàng và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Nhận thấy, đời sống vợ chồng giữa ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 01 con chung là Trương Quang M, sinh ngày 09/6/1997, đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Trương Minh H;

- Về con chung: Có 01 con chung là Trương Quang M, sinh ngày 09/6/1997, đã thành niên, có khả năng lao động.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bà X đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001616 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường 6, TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni